**TÀI LIỆU ĐẶC TẢ YÊU CẦU HỆ THỐNG**

**DỰ ÁN LỊCH LÀM VIỆC (WORKING CALENDAR) – VÀI USE CASE.**

1. **Giới thiệu:**
2. **Mục tiêu:**

Hệ thống Working Calendar nhằm cung cấp công cụ quản lý thời gian cho cá nhân và nhóm, giúp tạo và quản lý lịch làm việc một cách trực quan, hiệu quả và tiện lợi.

1. **Phạm vi:**

Hệ thống sẽ bao gồm các tính năng chính như:

* Quản lý nhiệm vụ của cá nhân đã được giao.
* Quản lý tiến độ làm việc của cá nhân.
* Quản lý được tiến độ làm việc của nhóm.
* Xuất lịch làm việc ra file excel.
* Đồng bộ lịch với các website lịch làm việc như Google Calendar.

1. **Đặc tả các trường hợp người dùng (Use Case):**
2. **Quản lý nhiệm vụ cá nhân:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC001 | **Tên Use case** | Quản lý nhiệm vụ cá nhân |
| **Tác nhân** | Sinh viên | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn được xem các nhiệm vụ đã được giảng viên giao | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút task trên thanh điều hướng | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính ( thành công )** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách | Chọn chức năng task | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện task | | 3. | Hệ thống | Tìm kiếm dữ liệu nhiệm vụ trong hệ thống sao cho trùng khớp với người dùng. | | 4. | Hệ thống | Hiển thị các nhiệm vụ ra giao diện người dùng. | | 5. | Khách | Chọn nhiệm vụ ở trạng thái đang đợi xác nhận. | | 6. | Khách | Xác nhận đã nhận nhiệm vụ hoặc hủy bỏ. | | 7. | Khách | Chọn nhiệm vụ bất kì để xem chi tiết nhiệm vụ được giao. | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a. | Hệ thống | Trả về null khi người dùng chưa được giao nhiệm vụ nào trong hệ thống. | | 4a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện người dùng trống, kèm theo dòng chữ “Bạn chưa được giao nhiệm vụ nào”. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân cập nhật nhiệm vụ vào hệ thống. | | |

1. **Cập nhật tiến độ làm việc cá nhân:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC002 | **Tên Use case** | Cập nhật tiến độ làm việc cá nhân |
| **Tác nhân** | Sinh viên | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn được cập nhật quá trình làm việc. | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút register calendar trên thanh điều hướng | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính ( thành công )** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách | Chọn chức năng register calendar | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar trong tuần của ngày hiện tại. | | 3. | Hệ thống | Lấy dữ liệu tiến độ của người dùng trong hệ thống. | | 4. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar kèm dữ liệu tiến độ đã được tìm kiếm. | | 5. | Khách | Click vào ô thời gian rỗng muốn cập nhật tiến độ. | | 6. | Khách | Viết kiểu dữ liệu hoạt động Y: làm việc, N: không làm việc vào ô thời gian rỗng. | | 7. | Khách | Viết mô tả tiến độ. | | 8. | Khách | Ấn nút save để lưu. | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a. | Hệ thống | Trả về null khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 4a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar mặc định gồm các ô thời gian rỗng khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 5a. | Hệ thống | Khi người dùng click vô ô thời gian đã có kiểu dữ liệu làm việc Y/N => Hiển thị giao diện register calendar gồm các dữ liệu và có thêm 1 nút edit để chỉnh sửa tiến độ đã cập nhật. | | 6a. | Hệ thống | Mặc định các ngày không điền kiểu dữ liệu làm việc là N: không làm việc. | | 8a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện thông báo thành công. | | 8b. | Hệ thống | Báo lỗi khi người dùng chưa nhập đủ các trường như Y/N ở kiểu làm việc, mô tả tiến độ. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân cập nhật tiến độ vào hệ thống. | | |

1. **Chỉnh sửa tiến độ làm việc cá nhân:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC003 | **Tên Use case** | Chỉnh sửa tiến độ làm việc cá nhân |
| **Tác nhân** | Sinh viên | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn được chỉnh sửa quá trình làm việc. | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút register calendar trên thanh điều hướng | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính ( thành công )** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách | Chọn chức năng register calendar | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar trong tuần của ngày hiện tại. | | 3. | Hệ thống | Lấy dữ liệu tiến độ của người dùng trong hệ thống. | | 4. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar kèm dữ liệu tiến độ đã được tìm kiếm. | | 5. | Khách | Click vào ô thời gian đã có kiểu dữ liệu làm việc Y. | | 6. | Hệ thống | Hiển thị giao diện tiến độ người dùng khi có dữ liệu tiến độ. | | 7. | Khách | Click nút Edit để được chỉnh sửa | | 8. | Khách | Click nút Save sau khi đã chỉnh sửa xong. | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a. | Hệ thống | Trả về null khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 4a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar mặc định gồm các ô thời gian rỗng khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 5a. | Hệ thống | Không hiển thị nút chỉnh sửa nếu chọn ô có kiểu dữ liệu làm việc là N hoặc ô trống | | 8a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện thông báo thành công. | | 8b. | Hệ thống | Không Click được khi chưa ấn nút Edit. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Chỉnh sửa thành công, thông tin mới sẽ được lưu vào hệ thống. | | |

1. **Xóa tiến độ làm việc cá nhân:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC004 | **Tên Use case** | Xóa tiến độ làm việc cá nhân |
| **Tác nhân** | Sinh viên | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn được xóa tiến độ. | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút register calendar trên thanh điều hướng | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính ( thành công )** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách | Chọn chức năng register calendar | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar trong tuần của ngày hiện tại. | | 3. | Hệ thống | Lấy dữ liệu tiến độ của người dùng trong hệ thống. | | 4. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar kèm dữ liệu tiến độ đã được tìm kiếm. | | 5. | Khách | Click vào ô thời gian đã có kiểu dữ liệu làm việc Y. | | 6. | Hệ thống | Hiển thị giao diện tiến độ người dùng khi có dữ liệu tiến độ. | | 7. | Khách | Click nút Delete để được xóa tiến độ. | | 8. | Hệ thống | Hiển thị giao diện xác nhận bạn chắc chắn muốn xóa tiến độ hiện tại? Có hoặc không. | | 9. | Khách | Chọn theo nhu cầu người dùng. | | 10. | Hệ thống | Tự động cập nhật lại ô thời gian đã được xóa. | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a. | Hệ thống | Trả về null khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 4a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện register calendar mặc định gồm các ô thời gian rỗng khi người dùng chưa có dữ liệu tiến độ. | | 5a. | Hệ thống | Không hiển thị nút xóa nếu chọn ô có kiểu dữ liệu làm việc là N hoặc ô trống. | | 9a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện thông báo xóa thành công khi người dùng ấn vào nút Yes. | | 9b. | Hệ thống | Trở về lại giao diện register calendar nếu người dùng ấn No. | | 10a. | Hệ thống | Tự động cập nhật lại ô thời gian:  + Nếu người dùng chọn ô thời gian nhỏ hơn thời gian hiện tại => ô sẽ có kiểu dữ liệu làm việc là N.  + Nếu người dùng chọn ô thời gian lớn hơn hoặc bằng thời gian hiện tại => ô rỗng. | |  |  |  | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân xóa tiến độ khỏi hệ thống. | | |

1. **Xem tiến độ làm việc nhóm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC005 | **Tên Use case** | Xem tiến độ làm việc nhóm |
| **Tác nhân** | Sinh viên | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn được xem quá trình làm việc của nhóm | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút team calendar trên thanh điều hướng | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào hệ thống và đã có nhóm. | | |
| **Luồng sự kiện chính ( thành công )** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Khách | Chọn chức năng team calendar | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện team calendar trong tuần của ngày hiện tại. | | 3. | Hệ thống | Lấy dữ liệu tiến độ của nhóm trong hệ thống. | | 4. | Hệ thống | Hiển thị giao diện team calendar kèm dữ liệu tiến độ nhóm đã được tìm kiếm. | | 5. | Khách | Click vào ô thời gian để xem tiến độ của mọi người trong nhóm. | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Hệ thống | Trả về null khi người dùng chưa có nhóm. | | 4a. | Hệ thống | Hiển thị giao diện tean calendar mặc định gồm dòng chữ “Bạn chưa có nhóm” khi người dùng chưa có nhóm. | | 5a. | Hệ thống | Hiển thị dữ liệu trống khi người dùng click vô ô rỗng. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân xem tiến độ làm việc của nhóm. | | |